TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 527/2018/DSST
Ngày: 18/9/2018
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy.
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Lan.
2. Ông Đặng Văn Quý.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Trần Thị Hồng Út, cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 13/9/2018 và 18/9/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 278/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 07 năm 2017 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 08 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1924;
Địa chỉ: 47 Đường T, phường B, quận N, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung C1, sinh năm 1962, trú tại: 384/11 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, là người đại diện ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/4/2017 lập tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Ngọc L, sinh năm 1971;
Địa chỉ: 79 Trần Văn Mười, ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị Kim M, sinh năm: 1953, trú tại: 81 Thăng Long, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, là người đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 27/01/2018 lập tại Văn phòng Công chứng Tân Bình (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992 (vắng mặt)
3.2. Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1998 (vắng mặt)
3.3. Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1996 (vắng mặt)
3.4. Ông Võ Tự Quốc N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
3.5. Ông Lê Quý A, sinh năm 1979 (vắng mặt)
3.6. Bà Cô Thị Mỹ L, sinh năm 1989 (vắng mặt)
3.7. Ông Cô Minh T, sinh năm 1995 (vắng mặt)
3.8. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
3.9. Bà Trần Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt)
3.10. Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 1991 (vắng mặt)
3.11. Ông Trần Công K, sinh năm 1949 (có mặt)

Cùng trú tại : 47 Đường T, Phường M, quận N, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Trung C đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị L1 là vợ chồng hợp pháp chung sống với nhau từ năm 1976, không có con chung. Trong quá trình chung sống cả hai có tài sản chung là nhà và đất tại số 47 Đường T, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2008, ông C làm hợp đồng tặng cho căn nhà trên cho bà L1. Năm 2009 bà L1 làm di chúc tặng cho căn nhà trên cho bà Mai Ngọc L là cháu gọi bà L1 bằng dì. Ngày 26/02/2017 bà L1 chết. Khi bà L1 chết, bà L tự ý đưa bà L1 về huyện Hóc Môn làm ma chay và phá két sắt lấy toàn bộ tài liệu, giấy tờ nhà của ông C và bà L1. Ông C yêu cầu bà L trả giấy tờ nhà thì bà L không đồng ý vì cho rằng bà L1 đã làm di chúc để lại toàn bộ căn nhà cho bà L. Ông C xác định cha mẹ của bà Mai Thị L1 là ông Mai Công Tốt, chết năm 1968, mẹ là bà Nguyễn Thị Trình, chết năm 1994. Bà L1 cũng không có con riêng nên ông C là người thừa kế duy nhất của bà L1. Nay, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông C được hưởng 2/3 phần thừa kế của bà L1 để lại đối với tài sản là nhà đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với di chúc do bà L1 lập để lại tài sản cho bà Mai Ngọc Lủy chứ không phải Mai Ngọc L nên về mặt hình thức di chúc là không phù hợp. Thời điểm bà L1 làm di chúc để lại tài sản cho bà L là không phù hợp vì bà L không phải là con và thời điểm này ông C vẫn là chồng của bà L1 nên ông nghi ngờ tính hợp pháp của di chúc.

Bà Đinh Thị Kim M đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà xác định di chúc của bà Mai Thị L1 để lại tài sản là nhà đất tại số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Mai Ngọc L là hoàn toàn hợp pháp. Căn nhà 47 Thân Nhân Trung không phải là tài sản chung của bà L1 và ông C vì năm 2008 ông C đã làm văn bản tặng cho toàn bộ căn nhà trên cho bà L1 và đã được cập nhật sang tên cho bà L1 vào ngày 10/10/2008. Do đó, đây là tài sản riêng của bà L1 và bà L1 đã làm di chúc để lại toàn bộ tài sản trên cho bà L. Di chúc này là hợp pháp nên bà L là người thừa kế theo di chúc duy nhất của bà L1. Do đó, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C với lý do: Ông C và bà L1 không phải là

vợ chồng hợp pháp vì theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà L1 tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận Tân Bình ngày 05/9/2009 xác nhận bà L1 và ông C chung sống như vợ chồng từ năm 1979 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình. Giữa bà L1 và ông C không có con chung. Đồng thời căn cứ các tài liệu chứng cứ như: Đơn của ông Trần Ngọc C đề ngày 09/5/2018 gửi Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xác nhận tình trạng hôn nhân giữa ông với vợ là bà Nguyễn Thị C; Phiếu cán bộ 49124544; Sơ yếu lý lịch cán bộ, ông C khai ngày 18/4/1975 được thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu ngày 30/7/1975; Bản bổ sung tự kể chuyện từ năm 1965 đến 1977; Bản bổ sung tự kể chuyện từ tháng 5/1977 đến tháng 12/1977. Xác định được: Trước khi ông Trần Ngọc C có quan hệ chung sống như vợ chồng với bà Mai Thị L1 thì ông Trần Ngọc C đã có vợ là bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1929. Vợ chồng ông C, bà C có 03 con chung là: Trần Công Kha; Trần Thị Tuyết; Trần Thị Màu (bà Màu chết từ nhỏ). Trong phiếu Cán Bộ 49124544, ông C có khai tại mục Họ tên vợ thứ nhất là Nguyễn Thị C – đi lấy chồng đã ly dị 1975 (Tòa Án huyện An Nhơn); Tại Bản bổ sung tự kể chuyện từ 1965 Đến 1977, ông C có khai năm 1975 ông đã ly dị vợ xong. Hiện nay tổ chức đã cho phép tôi lấy vợ khác vợ mới hiện nay là Mai Thị L1 tại ấp 3 xã Xuân Thới Thượng. Tại các buổi làm việc, hòa giải phía nguyên đơn ông Trần Ngọc C không xuất trình được bản án của Tòa Án huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định đã giải quyết cho ông với vợ ông là bà Nguyễn Thị C ly hôn. Theo công văn của Tòa án nhân dân Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định ngày 23/8/2018 trả lời không có hồ sơ lưu trữ về việc ly hôn giữa ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị C. Mặt khác, phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc tổ chức đã cho phép ông Trần Ngọc C lấy vợ mới là bà Mai Thị L1 và cũng không xuất trình được giấy Chứng nhận kết hôn của ông C, bà L1. Vì vậy, phía bị đơn nhận thấy không có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc C với bà Mai Thị L1 là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Do đó, bà yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế của bà L, buộc ông C giao trả lại cho bà L di sản thừa kế là nhà đất tại 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M xác định cha mẹ của bà L1 là ông Mai Công Tốt, chết năm 1968, mẹ là bà Nguyễn Thị Trình, chết năm 1994. Bà L1 cũng không có con riêng nên bà L là người thừa kế theo di chúc của bà L1. Bà L chung sống với bà L1 và ông C từ lúc bà L 05 tuổi đến năm 18 tuổi bà L lập gia đình và sống cùng gia đình chồng nhưng hàng ngày bà L vẫn về chăm sóc ông C, bà L1. Trong thời gian chung sống bà L không có công sức sửa chữa hay đóng góp gì vào việc tạo lập, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản.

Đối với bản di chúc của bà L1 để lại tài sản cho bà L, do sai sót trong quá trình đánh máy của nhân viên Phòng công chứng nên đánh tên bà là Lủy. Bà L đã đến Phòng công chứng để điều chỉnh lại tên. Ông Chính cho rằng tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng là không đúng vì đây là tài sản cá nhân của bà L1 nên bà L1 mới có thể lập di chúc để lại tài sản cho người khác.

Phía ông C cho rằng bà L phá két sắt của ông C, bà L1 lấy giấy tờ nhà đất và sổ tiết kiệm là không đúng vì toàn bộ giấy tờ này bà L1 đã giao cho bà L cất giữ từ trước.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Chính trình bày: Ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị C chung sống với nhau từ trước năm 1945 có 03 người con chung là Trần Công Kha, sinh năm 1949, Trần Thị Tuyết, sinh năm 1951, Trần Thị Màu (Chết từ nhỏ). Năm 1954 ông C tập kết ra Bắc mang theo con trai cả là ông Trần Công Kha. Năm 1962 ông C được điều về Miền Nam công tác. Năm 1976 ông C chung sống như vợ chồng với bà Mai Thị L1. Khi ông C đi tập kết từ năm 1954, ông C không còn chung sống với bà C nữa và bà C ở nhà đã đi lấy chồng khác và có con riêng là ông Nguyễn Thành Sơn, sinh năm 1963. Ông C và bà L1 chung sống với nhau nhưng không có con chung. Việc này ông C đã khai trong lý lịch của mình lưu tại Phòng cán bộ Cục chính trị Quân khu 7. Về nguồn gốc căn nhà 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình do Nhà nước cấp cho ông C theo chế độ. Sau đó, khi làm thủ tục cấp giấy chủ quyền căn nhà nêu trên do ông C đã cưới bà L1 là vợ nên ông đồng ý để bà L1 cùng đứng tên chủ sở hữu. Năm 2008 ông C làm hợp đồng tặng cho phần tài sản của ông trong khối tài sản chung là căn nhà 47 Thân Nhân Trung, phường 13, quận Tân Bình cho bà Mai Thị L1. Bà L1 đã làm thủ tục cập nhật bà L1 là chủ sở hữu căn nhà nêu trên. Năm 2009 bà L1 làm di chúc để lại toàn bộ tài sản là căn nhà 47 Thân Nhân Trung, phường 13, quận Tân Bình cho bà Mai Ngọc L nhưng ông C không hề hay biết. Ngày 26/02/2017, bà L1 chết. Ông Chính cho rằng quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vì ông C và bà L1 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn vào năm 1976, bản chính giấy kết hôn đã bị bà L lấy đi. Việc ông không thể cung cấp được bản sao giấy chứng nhận kết hôn của ông C và bà L1 là do lỗ hỏng về quản lý hành chính nhà nước. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân của ông C, bà L1 không chỉ thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn mà còn được thể hiện và công nhận hiển nhiên trong hồ sơ lý lịch Đảng viên lưu tại Phòng cán bộ, Cục chính trị Quân khu 7, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, sổ hộ khẩu gốc do Công an quận Tân Bình cấp đều xác nhận bà L1 là vợ ông C. Vì cha mẹ bà L1 đều đã chết, bà L1 và ông C không có con chung, bà L1 cũng không có con riêng. Ông C là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của bà L1. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu được hưởng phần thừa kế bắt buộc không phụ thuộc vào di chúc là 2/3 di sản thừa kế là căn nhà 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình. Hiện nay ông C vẫn đang quản lý sử dụng căn nhà nêu trên nên ông yêu cầu được nhận nhà và thanh toán giá trị theo kỷ phần thừa kế tương đương 1/3 giá trị căn nhà cho bà Mai Ngọc L trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phía nguyên đơn đồng ý với giá do Hội đồng định giá đã định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về chi phí định giá trong vụ án do nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Đinh Thị Kim Mỹ trình bày: Ông C khởi kiện yêu cầu được nhận 2/3 di sản thừa kế là căn nhà 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình là không có căn cứ vì: Ông C trước khi chung sống với bà L1 ông C có vợ là bà Nguyễn Thị C, đều này được xác định bởi xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đề ngày 09/5/2018 thể hiện bà C là vợ ông C.

Phía nguyên đơn căn cứ vào lý lịch tự kể chuyện của ông C, sổ hộ khẩu do công an quận Tân Bình cấp, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với căn nhà số 47 Thân Nhân Trung, cho rằng quan hệ giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, những giấy tờ này không là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Phía bị đơn xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, vì ông C và bà Nguyễn Thị C chung sống với nhau từ năm 1945 và có ba con chung, đến thời điểm chung sống với bà L1 vào năm 1979 thì quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà C vẫn còn tồn tại. Ông C, bà C không làm thủ tục ly hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Năm 2011 bà C chết, ông C và bà L1 vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà L1 không được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trường hợp ông C, bà L1 chung sống với nhau từ năm 1979 nếu thỏa mãn về điều kiện kết hôn thì căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì đương nhiên quan hệ giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, thời điểm ông C chung sống như vợ chồng với bà L1 ông C chưa ly hôn với bà C. Do đó, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án xác định bà Mai Ngọc L là người thừa kế hợp pháp của bà L1. Bà L yêu cầu được nhận nhà và bà đồng ý hỗ trợ cho ông C số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để ông C lo chỗ ở mới. Trong trường hợp Tòa án xác định ông C là người thừa kế theo pháp luật của bà L1, để tránh khó khăn trong việc phân chia di sản thì bà đồng ý nhận tiền. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà yêu cầu ông C giao tiền trong thời hạn 03 tháng. Phía bị đơn đồng ý với giá do Hội đồng định giá đã định để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công Kha trình bày: Ông là con riêng của ông C và bà C. Năm 1954 ông C tập kết ra Miền Bắc và có dẫn ông cùng đi. Kể từ khi bố ông đi tập kết thì bố mẹ ông đã không còn sống chung với nhau nữa. Khoảng năm 1976 -1977 ông có vào Miền Nam công tác và có đến thăm ông C tại Hóc Môn thì đã thấy ông C chung sống với bà Mai Thị L1. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc C, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Trần Thanh Quang, bà Trần Thị Bích Thủy, ông Võ Tự Quốc Nhật, ông Lê Quý An, bà Cô Thị Mỹ Linh, ông Cô Minh Tân, ông Trần Thanh Hùng, bà Trần Thị Nhung, bà Lê Thị Bé Hoài xác định các ông bà chỉ là người thuê nhà không có liên quan gì đến tài sản tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án, ngày 18/7/2017 Tòa án quận Tân Bình thụ lý vụ án nhưng đến ngày 30/8/2018 mới ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vi phạm nêu trên không

làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện của việc giải quyết vụ án nên kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 1959, năm 1986 và năm 2000; Phần II Mục 2 Thông tư 60/TATC ngày 22/02/1978 của Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC -BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội "Về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình"; Áp dụng các Điều 623, 643, 644, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Ông Trần Ngọc C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Mai Thị L1 là nhà và đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do tài sản tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Trần Thanh Quang, bà Trần Thị Bích Thủy, ông Võ Tự Quốc Nhật, ông Lê Quý An, bà Cô Thị Mỹ Linh, ông Cô Minh Tân, ông Trần Thanh Hùng, bà Trần Thị Nhung, bà Lê Thị Bé Hoài có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/02/2017, bà Mai Thị L1 chết. Ngày 29/6/2017 ông C có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Mai Thị L1. Ngày 18/7/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Trần Ngọc C khởi kiện yêu cầu được hưởng 2/3 suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc tương đương 2/3 giá trị tài sản tranh chấp là nhà và đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Mai Thị L1 để lại. Ông yêu cầu được nhận nhà và đồng ý thanh toán giá trị cho bà Mai Ngọc L theo kỷ phần thừa kế tương đương 1/3 giá trị nhà đất nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

+ Xét tính chất quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị L1 tại thời điểm bà L1 chết là ngày 26/02/2017: Căn cứ vào phiếu Cán bộ số 49124544, số phiếu

4719006 của Phòng cán bộ, Cục chính trị Quân khu 7 cung cấp, Hội đồng xét xử xác định vào năm 1945 ông Trần Ngọc C có vợ là bà Nguyễn Thị C và có 03 người con chung. Căn cứ vào đơn xin tổ chức đám cưới do ông C gửi Thủ trưởng Cục hậu cần, Quân khu 7 ngày 13/10/1977 về việc xin phép tổ chức cho ông tổ chức đám cưới với bà Mai Thị L1; Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngày 16/8/1979 do Công an quận Tân Bình cấp và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà L1 tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận Tân Bình ngày 05/9/2009, có cơ sở xác định ông C và bà L1 thực tế có chung sống với nhau như vợ chồng tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1979 và không có đăng ký kết hôn cho đến khi bà L1 chết vào năm 2017.

Căn cứ vào phiếu Cán bộ số 49124544, số phiếu 4719006 của Phòng cán bộ, Cục chính trị Quân khu 7 và các tài liệu chứng nhận thành tích của ông C xác định ông C có thời gian ở chiến trường là 13 năm từ năm 1954 đến năm 1962. Theo xác nhận ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xác định từ sau năm 1975 ông C và bà C không còn sống chung với nhau. Căn cứ vào đơn xin xác nhận tình trạng quan hệ nhân thân do ông Nguyễn Thành Sơn lập ngày 09/8/2018 và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hậu, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xác nhận ông Nguyễn Thành Sơn, sinh năm 1963 là con riêng của bà Nguyễn Thị C. Như vậy có căn cứ xác định từ năm 1955 ông C tập kết ra Miền Bắc và không còn chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị C. Bà C sau đó đã chung sống và sinh con cùng người khác. Ông C không tranh chấp gì quan hệ hôn nhân giữa bà C và người chồng sau này, cũng như bà C không tranh chấp gì về quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Mai Thị L1. Việc ông C và bà L1 chung sống với nhau có xin phép tổ chức và được tổ chức là Cục Hậu Cần thuộc Bộ tư lệnh Quân khu 7 cho phép tổ chức đám cưới. Do đó theo quy định tại Phần II Mục 2 Thông tư 60/TATC ngày 22/02/1978 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam tập kết ra Bắc lấy vợ, lấy chồng khác thì ông C là cán bộ bộ đội Miền Nam tập kết ra Bắc, sau khi tập kết ra Bắc bà C vợ trước của ông C đã lấy chồng khác và sinh con riêng, từ sau năm 1975 cả hai đã không còn sống chung với nhau nữa. Năm 1977, Cục hậu cần Quân khu 7 đã cho phép ông C và bà L1 tổ chức đám cưới. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà C trên thực tế không còn sống chung với nhau và quan hệ hôn nhân sau giữa ông C và bà Mai Thị L1 vẫn được pháp luật thừa nhận cho dù ông C và bà C có tiến hành thủ tục ly hôn hay không. Đồng thời, theo quy định tại Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC -BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội "Về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình" xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân thực tế tính từ ngày chung sống như vợ chồng là từ năm 1979.

Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 và Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 không xem các trường hợp hôn nhân không đăng ký tại Cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền là hôn nhân trái pháp luật. Mặt khác, căn cứ vào điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì ông C và bà L1 chung sống với nhau từ năm 1979 trước ngày luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L1 là quan hệ hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó lời trình bày của phía bị đơn cho rằng quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L1 không hợp pháp là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

+ Xét về di sản thừa kế: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và xác nhận của các đương sự xác định di sản thừa kế của bà Mai Thị L1 là nhà, đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 4580/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 15/11/2004 và được cập nhật biến động ngày 10/10/2008 do bà L1 đứng tên chủ sở hữu. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 07/12/2017 xác định giá trị nhà và đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 20.080.000.000 đồng (hai mươi tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Các đương sự tại phiên tòa thống nhất với giá đã định. Về chi phí định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Xét về hàng thừa kế: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và xác nhận của các đương sự trong vụ án xác định cha mẹ bà Mai Thị L1 đã chết trước bà L1, bà L1 không có con chung, con nuôi hay con riêng nào khác. Ông C là chồng bà L1 nên xác định ông Trần Ngọc C là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là duy nhất của bà Mai Thị L1 theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngày 23/3/2009 bà Mai Thị L1 lập di chúc để lại toàn bộ căn nhà số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình lại cho bà Mai Ngọc L. Theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 do ông C là chồng bà L1 và là người thừa kế duy nhất theo pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ông C được hưởng 2/3 suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc tương đương 2/3 giá trị tài sản tranh chấp là nhà và đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương số tiền là 13.680.982.682 đồng (mười ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu chín trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng).

+ Xét hiệu lực của di chúc: Ngày 23/3/2009 bà Mai Thị L1 lập di chúc để lại toàn bộ căn nhà số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình lại cho bà Mai Ngọc L và đã được Văn phòng công chứng Tân Bình xác nhận do đó di chúc trên là hợp pháp. Tuy nhiên, do ông C là chồng bà L1 và là người thừa kế duy nhất theo pháp luật được quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 nên di chúc do bà Mai Thị L1 lập ngày 23/3/2009 tại Văn phòng công chứng Tân Bình chỉ có hiệu lực một phần. Bà L chỉ được hưởng 1/3 suất thừa kế do bà L1 để lại tương đương 1/3 giá trị căn nhà số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình. Ông C yêu cầu được nhận nhà và đồng ý thanh toán

lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Mai Ngọc L trong thời hạn 06 tháng. Bị đơn đồng ý nhận giá trị bằng tiền và yêu cầu phải thực hiện việc giao tiền trong thời hạn 03 tháng.

Bà L xác định khi bà L1 còn sống, bà L chỉ đến thăm nom, chăm sóc, không có công đóng góp hay sửa chữa gì vào việc tạo lập, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản nên kỷ phần thừa kế bà L được hưởng 1/3 suất thừa kế tương đương 1/3 giá trị căn nhà tương đương số tiền là 6.840.491.341 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy nếu kéo dài thời hạn giao tiền là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn có trách nhiệm giao tiền cho bị đơn trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Trần Thanh Quang, bà Trần Thị Bích Thủy, ông Võ Tự Quốc Nhật, ông Lê Quý An, bà Cô Thị Mỹ Linh, ông Cô Minh Tân, ông Trần Thanh Hùng, bà Trần Thị Nhung, bà Lê Thị Bé Hoài, ông Trần Công Kha chỉ là người thuê nhà không có liên quan gì đến vụ án và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông C phải chịu án phí trên giá trị phần thừa kế được hưởng là 13.680.982.682 đồng (mười ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu chín trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 121.680.982 đồng. Do ông C đã nộp tiền tạm ứng án phí là 56.665.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006542 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình nên ông C còn phải nộp số tiền án phí là 65.015.982 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm mười lăm ngàn chín trăm tám mươi hai đồng).

- Bà L phải chịu án phí dân sự trên giá trị phần thừa kế được hưởng là 6.840.491.341 đồng (sáu tỷ tám trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.840.492 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 1959;

- Áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 1986;

- Áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng Mục 2 Phần II Thông tư 60/TATC ngày 22/02/1978 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam tập kết ra Bắc lấy vợ, lấy chồng khác;

- Áp dụng Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội "Về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình";

- Áp dụng các Điều 623, 624, 643, 644, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 09/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc C.

- Xác định di sản thừa kế của bà Mai Thị L1 là nhà, đất tại địa chỉ 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 4580/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 15/11/2004 và được cập nhật biến động ngày 10/10/2008 cho bà Mai Thị L1 đứng tên. Trị giá di sản là 20.080.000.000 đồng (hai mươi tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai Thị L1 là ông Trần Ngọc C. Ông Trần Ngọc C được hưởng thừa kế theo pháp luật là 2/3 suất thừa kế do bà Mai Thị L1 để lại tương đương số tiền 13.680.982.682 đồng (mười ba tỷ sáu trăm tám mươi triệu chín trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng).

- Bà Mai Ngọc L được hưởng 1/3 suất thừa kế do bà Mai Thị L1 để lại theo di chúc số 003244 ngày 23/3/2009 do bà Mai Thị L1 lập tại Văn phòng công chứng Tân Bình tương đương số tiền 6.840.491.341 đồng (sáu tỷ tám trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng).

- Giao cho ông Trần Ngọc C được quản lý, sử dụng nhà và đất tại địa chỉ số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Ngọc C có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Mai Ngọc L được hưởng tương đương số tiền là 6.840.491.341 đồng (sáu tỷ tám trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng) trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi ông Trần Ngọc C thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền trên cho bà Mai Ngọc L thì ông C được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 47 Thân Nhân Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C chịu mọi chi phí liên quan đến thủ tục hợp thức hóa nhà (nếu có).

- Hết thời hạn nêu trên, trường hợp ông Trần Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền, bà Mai Ngọc L được quyền yêu cầu phát mãi căn nhà 47 Thân Nhân

Trung, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên để yêu cầu chia theo kỷ phần bà Mai Ngọc L được hưởng 1/3 giá trị căn nhà, ông Trần Ngọc C được hưởng 2/3 giá trị căn nhà vào thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 121.680.982 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn chín trăm tám mươi hai đồng), ông C đã nộp tiền tạm ứng án phí là 56.665.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006542 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình nên ông C còn phải nộp số tiền án phí là 65.015.982 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm mười lăm ngàn chín trăm tám mươi hai đồng).

- Bà Mai Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 114.840.492 đồng (một trăm mười bốn triệu tám trăm bốn mươi ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Trần Ngọc C; bà Mai Ngọc L, ông Trần Công Kha được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Y, ông Trần Thanh Q, bà Trần Thị Bích T, ông Võ Tự Quốc N, ông Lê Quý A, bà Cô Thị Mỹ L, ông Cô Minh T, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị N, bà Lê Thị Bé H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lan **Đặng Văn Quý** **Tô Trần Ái Vy**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy

`

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Thúy – Đỗ Quang Lý **Ngô Trương Bảo**

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM ;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- Chi cục THADS Q.TânBình ;
- Đương sự ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án ;

Ngô Trương Bảo

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA